TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:31/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh
Bà Nguyễn Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đa T, xã Yên L, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đa T, xã Yên L, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 11/12/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên L, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu và chung sống cùng anh H ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh H ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí có lần anh H còn đánh chị. Mỗi khi vợ chồng cãi nhau, chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Trong thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 9/2020 chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị 03 lần. Sau đó được gia đình hai bên dàn xếp, hòa giải thì chị lại quay về chung sống cùng anh H. Tháng 9/2020 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị, địa chỉ tại thôn X, xã Cẩm B, huyện Cẩm T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống hẳn. Chị và anh H đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H và gia đình hai bên có dàn xếp, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị thấy anh H không thay đổi nên chị không quay về chung sống cùng anh H. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/01/2019. Hiện nay cháu V đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Quốc V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị là công nhân tại công ty ở Thanh Hóa. Thu nhập của chị là 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Hai bên tự thỏa thuận nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Huấn: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, anh H vắng mặt không có lý do.

Ngày 16/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên D đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn anh H không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, coi như từ bỏ mất quyền của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 BLTTDS để xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Con chung: Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/01/2019. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị T đã nộp đủ.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Phạm Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H, anh H có nơi cư trú tại thôn Đa T, xã Yên L, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên L, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị Thảo khai: Sau khi kết hôn chị T về nhà anh H làm dâu, chung sống cùng anh H và gia đình anh H ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 9/2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng hơn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn X, xã Cẩm B, huyện Cẩm T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống hẳn. Chị và anh H sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy: Chị T và anh H kết hôn năm 2017. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh H làm dâu và sinh sống tại địa phương. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 thì chị T anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T anh H bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế. Cuối năm 2020 chị T đã bỏ ra ngoài sinh sống, không sinh sống với anh H nữa. Nay chị T xin ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh H vẫn cư trú ở Thôn Đa T, cùng bố mẹ đẻ anh H. Anh H đi làm ở Bắc Ninh, cuối tuần vẫn về nhà thăm bố mẹ.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H. Bà H cho biết: Chị T và anh H ban đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng cuối năm năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T anh H bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn phát triển kinh tế và trong cách cư xử đối nội đối ngoại gia đình. Cuối năm 2020 chị Th đã bỏ ra ngoài sinh sống, không sinh sống cùng anh H nữa, gia đình nhiều lần hòa giải để chị T về chung sống cùng anh H nhưng chị T không về, ngoài ra bà còn được biết chị T còn có quan hệ với người đàn ông khác. Chị T xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh H đang làm công ty ở Bắc Ninh, thi thoảng vẫn về thăm gia đình.

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các quyết định của Tòa án và đã giao lại cho anh H, anh H đã nhận được, ngoài ra Tòa án còn niêm yết các văn bản anh H cũng đã biết.Tuy nhiên, anh H có nói là vì công việc bận nên không

đến Tòa án để giải quyết ly hôn được, chị T kiên quyết xin ly hôn anh, thì anh đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị T anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Thảo được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T anh H có 01 con chung là cháu là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/01/2019. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Nay, chị T đề nghị được nuôi con chung là cháu V. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu V đang ở cùng chị T ở Thanh Hóa, cháu vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Đồng thời phía bị đơn là anh H đi làm ăn xa rất ít về địa phương, anh H đã biết chị T xin ly hôn anh và có nguyện vọng nuôi con chung. Tuy nhiên anh chỉ có ý kiến về việc Tòa án cứ giải quyết ly hôn và con chung, chứ không có ý kiến hay phản đối gì về việc chị T đề nghị được nuôi con chung , đồng thời anh cũng không đến Tòa án làm việc. Do vậy, để con chung phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần, để cuộc sống của cháu ổn định, không bị xáo trộn thì cần giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi vợ chồng ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân

sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/01/2019.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009409 ngày 24/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Yên Lư, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh